

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ HVA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 1305/2020/CV-CBTT

Cần Thơ, ngày 13 tháng 05 năm 2020

V/v: Công bố ý kiến kiểm toán tại
BCTC năm 2019 và Giải trình việc
kiểm toán từ chối đưa ra ý kiến

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- Quý cổ đông của Công ty.

Tên đơn vị: Công ty cổ phần Đầu tư HVA

Địa chỉ liên hệ: Số 81 Nguyễn Hiền, KDC 91B, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam.

Điện thoại: 02873058222

Email: ceo@hva.group

Thực hiện thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Đầu tư HVA xin được công bố ý kiến kiểm toán tại Báo cáo tài chính năm 2019 và Giải trình việc kiểm toán từ chối đưa ra ý kiến. Cụ thể:

1. Công bố ý kiến của kiểm toán tại Báo cáo tài chính năm 2019

❖ Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

- Tại ngày 31/12/2019, tổng giá trị khoản đầu tư của Công ty tại các Công ty liên kết là 49.790.000.000 đồng (được thuyết minh chi tiết tại mục V.07). Khoản dự phòng đầu tư tài chính được Công ty trích lập dựa trên Báo cáo tài chính năm 2019 của các Công ty liên kết và Đầu tư khác chưa được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập. Đồng thời chúng tôi cũng không được tiếp cận hồ sơ kế toán của các Công ty này. Do đó, chúng tôi không xác định được ảnh hưởng của việc trích lập dự phòng (nếu có) đối với báo cáo tài chính năm 2019 này. Mặt khác, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi chưa nhận được thư xác nhận khoản đầu tư có giá trị 28 tỷ đồng vào Công ty CP Phát triển và Đầu tư Nông nghiệp Hasoco.
- Tại ngày 31/12/2019, số dư khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn của Công ty là 15.500.000.000 đồng. Đây là khoản đặt cọc bằng tiền mặt cho Công ty cổ phần Block up Cần Thơ theo Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2108/2018/HĐĐC-HVA ngày 21/08/2018. Giá trị thỏa thuận chuyển nhượng 28.000.000.000 đồng. Tuy nhiên hoạt động chuyển nhượng này chưa được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông Công ty theo quy định của pháp luật

- Tại thời điểm phát hành Báo cáo này, chúng tôi chưa nhận được đầy đủ thư xác nhận các khoản nợ phải thu. Cụ thể, nợ phải thu khách hàng chưa có xác nhận là 9,29 tỷ đồng tương ứng với 90,71% trên tổng nợ phải thu. Các thủ tục kiểm toán bổ sung cũng không cho phép chúng tôi được kiểm tra tính đúng đắn của số dư các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng nêu trên. Do đó chúng tôi không thể xác định các điều chỉnh cần thiết đối với số dư phải thu ngắn hạn khách hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như các yếu tố liên quan của Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
- Chúng tôi không thể tham gia chứng kiến công tác kiểm kê tiền mặt tồn quỹ tại thời điểm ngày 31/12/2019, vì thời điểm đó chúng tôi chưa được bổ nhiệm làm kiểm toán. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về tính hiện hữu của tiền mặt tồn quỹ tại thời điểm 31/12/2019 với số tiền mặt tồn quỹ là 410.681.381 đồng

Từ chối đưa ra ý kiến kiểm toán

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính đính kèm.

2. Giải trình của doanh nghiệp về việc kiểm toán từ chối đưa ra ý kiến và thời gian công bố thông tin kiểm toán từ chối đưa ra ý kiến.

Ngày 26 tháng 03 năm 2020 doanh nghiệp tiến hành ký hợp đồng và thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020, đây cũng là thời gian dịch bệnh Covid hoành hành, theo chỉ thị 16/CT-TTg ngày 31/03/2020 của Thủ tướng chính phủ Nguyễn Xuân Phúc, mọi hoạt động giao dịch của doanh nghiệp bị đình trệ và ảnh hưởng rất nhiều đến việc thu thập số liệu phục vụ báo cáo kiểm toán năm 2019. Hiện nay Công ty đang ra soát để có phương án xử lý khắc phục tình trạng trên. Cụ thể;

- Đối với các khoản đầu tư (Đầu tư vào các công ty liên kết và các hoạt động khác) Công ty đánh giá trong thời gian tới thoái vốn những khoản đầu tư không hiệu quả dự kiến trước 30/6/2020.
- Công ty đang tập trung thu hồi các khoản công nợ của khách hàng và tập trung vào hoạt động kinh doanh mua bán thương mại, tạo đà phát triển trong thời gian sắp tới.
- Đối với khoản đặt cọc 15,5 tỷ để chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2108/2018/HĐDC-HVA ngày 21/08/2018. Công ty đã đàm phán và đang thu hồi khoản đặt cọc trên, do không thực hiện được việc chuyển nhượng, khách hàng cam kết trả lại toàn bộ phần vốn và bồi thường thiệt hại cho công ty HVA.

Trên đây là Công bố ý kiến kiểm toán tại BCTC năm 2019 và giải trình của Công ty về việc Kiểm toán từ chối đưa ra ý kiến trong Báo cáo tài chính năm 2019.



Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như K/g;
- Website Công ty.
- Lưu VT./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HĐQT**



Vương Lê Vĩnh Nhân



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Của: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA

Địa chỉ: số 81 Nguyễn Hiền, KDC 91B, Phường An Khánh, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ, Việt Nam.

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 4
Báo cáo Kiểm toán độc lập	5 – 6
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng Cân đối kế toán	7 – 8
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 – 34

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ HVA

Địa chỉ: số 81 Nguyễn Hiền, KDC 91B, Phường An Khánh, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ, Việt Nam.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư HVA (sau đây gọi tắt là “ Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư HVA, tên cũ là Công ty Cổ phần Nông nghiệp xanh Hưng Việt – tiền thân là Công ty Cổ phần Xây lắp An Hưng. Là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp là 0104659943 đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 05 năm 2010; thay đổi lần thứ 10 ngày 29/10/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp.

Địa chỉ Công ty: số 81 Nguyễn Hiền, KDC 91B, Phường An Khánh, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty : Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10, ngày 29/10/2019 vốn điều lệ của Công ty là 56.500.000.000 VND. Vốn góp ghi nhận trên Báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là **56.500.000.000 VND** (Bằng chữ: Năm mươi sáu tỷ năm trăm triệu đồng).

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm tài chính và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vương Lê Vĩnh Nhân	Chủ tịch HĐQT	
Ông Nguyễn Khánh Toàn	Phó Chủ tịch HĐQT	
Ông Nguyễn Trung Kiên	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 26/6/2019
Ông Ngô Văn Phúc	Thành viên HĐQT	Bỏ nhiệm ngày 26/6/2019
Bà Ngô Thị Thảo	Thành viên HĐQT	Bỏ nhiệm ngày 26/6/2019, miễn nhiệm ngày 16/09/2019
Ông Tấn Lộc Louis	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 26/6/2019
Ông Trương Thế Huy	Thành viên HĐQT	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vương Lê Vĩnh Nhân	Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 11/01/2019
Ông Trương Thế Huy	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 11/01/2019
Bà Nguyễn Thị Diệp	Kế toán trưởng	Bỏ nhiệm ngày 09/01/2019
Bà Đỗ Thị Hà	Kế toán Trưởng	Miễn nhiệm ngày 09/01/2019

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ HVA

Địa chỉ: số 81 Nguyễn Hiền, KDC 91B, Phường An Khánh, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ, Việt Nam.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty Cổ phần Đầu tư HVA đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP. Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các công ty đại chúng, công ty đại chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019. Trong quá trình lập các Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định số 71/2017/NĐ – CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường Chứng khoán.

Cần Thơ, ngày 04 tháng 05 năm 2020

T/M Ban Tổng Giám Đốc

Tổng Giám đốc



Vương Lê Vĩnh Nhân



Số: 237/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

*Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019
của Công ty Cổ phần Đầu tư HVA*

Kính gửi: Quý Cổ đông

Hội đồng quản trị

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư HVA.

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư HVA được lập ngày 04 tháng 05 năm 2020 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 được trình bày từ trang 07 đến trang 34 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính đã trung thực, hợp lý nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được đầy đủ và thích hợp là cơ sở cho ý kiến kiểm toán viên của chúng tôi.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

- Tại ngày 31/12/2019, tổng giá trị đầu tư vào Công ty liên kết và Đầu tư vốn góp vào đơn vị khác Công ty đang ghi nhận là 49,79 tỷ đồng (được thuyết minh chi tiết tại mục V.07). Khoản dự phòng đầu tư tài chính được Công ty trích lập dựa trên Báo cáo tài chính năm 2019 của các Công ty liên kết và Đầu tư khác chưa được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập, đồng thời chúng tôi cũng không được tiếp cận hồ sơ kế toán của các Công ty này. Do đó, chúng tôi không xác định được ảnh hưởng của việc trích lập dự phòng (nếu có) đối với báo cáo tài chính năm 2019 này. Mặt khác, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi chưa nhận được Thư xác nhận khoản đầu tư có giá trị 28 tỷ đồng vào Công ty CP Phát triển và Đầu tư Nông nghiệp HASOCO.

- Tại ngày 31/12/2019, số dư khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn của Công ty là 15.500.000.000 đồng. Đây là khoản đặt cọc bằng tiền mặt cho Công ty Cổ phần Block up Cần Thơ theo Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2108/2018/HĐĐC-HVA ngày 21 tháng 8 năm 2018. Giá trị thỏa thuận chuyển nhượng là 28.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, hoạt động chuyển nhượng này chưa được thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông của Công ty theo quy định của pháp luật.

- Tại thời điểm phát hành Báo cáo này, chúng tôi chưa nhận được đầy đủ Thư xác nhận các khoản nợ phải thu. Cụ thể, nợ phải thu khách hàng chưa có xác nhận là 9,29 tỷ tương ứng 90,71% trên tổng nợ phải thu. Các thủ tục kiểm toán bổ sung cũng không cho phép chúng tôi kiểm tra được tính đúng đắn của số dư các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng nêu trên. Do vậy, chúng tôi không thể xác định các điều chỉnh cần thiết đối với số dư phải thu ngắn hạn của khách hàng này tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như các yếu tố liên quan của Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

- Chúng tôi không thể tham gia chứng kiến công tác kiểm kê tiền mặt tồn quỹ tại thời điểm ngày 31/12/2019, vì thời điểm đó chúng tôi chưa được bổ nhiệm làm kiểm toán. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế chúng tôi cũng không thể đưa ra ý kiến về tính hiện hữu của tiền mặt tồn quỹ tại thời điểm 31/12/2019 với số tiền mặt tồn quỹ là 410.681.381 đồng.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính riêng đính kèm.

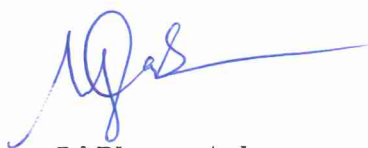
Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2018 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt, với ý kiến của Kiểm toán viên là “từ chối đưa ra ý kiến”, với những nội dung như sau:

- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tổng giá trị khoản đầu tư của Công ty tại các Công ty liên kết là 49.790.000.000 đồng, bao gồm Công ty Cổ phần Phát triển và Đầu tư Nông nghiệp HASOCO (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Hưng Nguyên) là 28.000.000.000 đồng, Công ty Cổ phần Thạch Thành Xuân là 15.790.000.000 đồng và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư MCC (trước đây là Công ty Cổ phần Phát triển xây dựng 199) là 6.000.000.000 đồng. Báo cáo tài chính năm 2018 của các Công ty liên kết nêu trên chưa được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập. Đồng thời, chúng tôi cũng chưa được tiếp cận hồ sơ kế toán của các Công ty này để thực hiện kiểm toán các khoản mục trọng yếu trên Báo cáo tài chính. Do đó, chúng tôi không xác định được ảnh hưởng của việc trích lập dự phòng (nếu có) đối với khoản đầu tư vào Công ty liên kết nếu các Công ty này được kiểm toán.
- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, số dư khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn của Công ty là 15.500.000.000 đồng. Đây là khoản đặt cọc bằng tiền mặt cho Công ty Cổ phần Block up Cần Thơ theo Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2108/2018/HĐĐC-HVA ngày 21 tháng 8 năm 2018. Giá trị thỏa thuận chuyển nhượng là 28.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, hoạt động chuyển nhượng này chưa được thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông của Công ty theo quy định của pháp luật. Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, Công ty chưa cung cấp các hồ sơ chứng minh giao dịch mua bán với Công ty Cổ phần Block up Cần Thơ. Do vậy, chúng tôi không thể xác định được các điều chỉnh cần thiết liên quan đến số dư ký quỹ, ký cược đã được ghi nhận nêu trên, cũng như các yếu tố có liên quan của Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
- Các khoản công nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 chưa được đối chiếu xác nhận đầy đủ với các đối tượng có liên quan với số tiền là 9.300.029.486 đồng tương ứng với tỷ lệ chưa được đối chiếu là 97% (Số đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi là 6.280.053.486 đồng). Các thủ tục kiểm toán bổ sung cũng không cho phép chúng tôi kiểm tra được tính đúng đắn của số dư các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng nêu trên. Do vậy, chúng tôi không thể xác định các điều chỉnh cần thiết đối với số dư phải thu ngắn hạn của khách hàng này tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như các yếu tố liên quan của Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
- Trong năm, Công ty đang trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi là 6.280.053.486 đồng dựa trên quyết định số 3112/2018/NQ-HĐQT ngày 31 tháng 12 năm 2018 của HDDQT trên cơ sở Tờ trình số 2912/2018/HAV/TTr-TCKT của Kế toán trưởng. Công ty chưa thành lập Hội đồng của Công ty để thực hiện đánh giá các khoản công nợ không có khả năng thu hồi theo quy định, chưa có Quyết định của Hội đồng quản trị về xử lý những khoản nợ phải thu khó đòi. Do đó, chúng tôi không thể xác định các điều chỉnh cần thiết đối với khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi này tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như các yếu tố liên quan của Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
- Cơ sở để chúng tôi thực hiện kiểm toán là các hồ sơ, tài liệu do Công ty Cổ phần Đầu tư HVA đã cung cấp cho chúng tôi có liên quan đến việc lập và trình Báo cáo tài chính năm 2018. Ngoài ra, chúng tôi không được cung cấp sổ kế toán cũng như hồ sơ, chứng từ kế toán của giai đoạn sau ngày kết thúc năm tài chính 2018 đến thời điểm phát hành báo cáo này. Do đó, chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán (nếu có) tới Báo cáo tài chính năm 2018.

Hà Nội, ngày 04 tháng 05 năm 2020

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP
Phó Tổng Giám đốc



Lê Phương Anh
 Số Giấy CN ĐKHN
 Kiểm toán : 0739-2018-133-1



Hoàng Kim Thùy
 Số Giấy CN ĐKHN
 Kiểm toán : 1464 -2018-133-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.338.994.157	4.080.554.284
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	410.681.381	213.922.974
1. Tiền	111		410.681.381	213.922.974
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.912.500.000	3.375.226.000
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	10.252.529.486	9.602.529.486
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	46.750.000	52.750.000
6. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	V.04a	500.000.000	-
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.05	(7.886.779.486)	(6.280.053.486)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.06	-	489.650.549
1. Hàng tồn kho	141		-	489.650.549
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		15.812.776	1.754.761
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		11.154.791	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		4.657.985	1.754.761
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		64.506.079.176	63.731.054.062
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	V.04b	15.500.000.000	15.500.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216		15.500.000.000	15.500.000.000
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.07	49.000.568.754	48.094.745.222
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		43.790.000.000	49.790.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		6.000.000.000	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(789.431.246)	(1.695.254.778)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5.510.422	136.308.840
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	5.510.422	136.308.840
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		67.845.073.333	67.811.608.346

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019
 (Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		11.844.866.704	11.020.653.593
I. Nợ ngắn hạn	310		6.343.366.704	5.285.153.593
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.09	3.433.873.520	3.633.873.520
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	20.093.705	25.387.481
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	127.800.000	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HỖXD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	753.899.479	133.899.479
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11a	2.007.700.000	1.491.993.113
II. Nợ dài hạn	330		5.501.500.000	5.735.500.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11b	5.501.500.000	5.735.500.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		56.000.206.629	56.790.954.753
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	56.000.206.629	56.790.954.753
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		56.500.000.000	56.500.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(106.363.636)	(106.363.636)
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(393.429.735)	397.318.389
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		67.845.073.333	67.811.608.346

Cần Thơ, ngày 04 tháng 05 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Diệp



Vương Lê Vĩnh Nhân

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	650.000.000	15.728.555.600
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		650.000.000	15.728.555.600
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	595.304.670	14.441.670.632
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		54.695.330	1.286.884.968
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	13.256	229.912.287
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	(751.403.806)	2.083.909.443
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		154.419.726	388.654.665
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	1.846.350.516	8.026.539.915
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		(1.040.238.124)	(8.593.652.103)
11. Thu nhập khác	31	VI.7	250.000.000	1.815.778
12. Chi phí khác	32	VI.8	510.000	52.772.906
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		249.490.000	(50.957.128)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(790.748.124)	(8.644.609.231)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		(790.748.124)	(8.644.609.231)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09		

Cần Thơ, ngày 04 tháng 05 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Diệp

Vương Lê Vĩnh Nhân

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Theo phương pháp trực tiếp
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	-	18.841.433.230
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(345.935.010)	(17.629.530.622)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(70.700.000)	(1.461.391.284)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(26.619.726)	(434.948.360)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	-	(70.487.497)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	870.000.000	15.155.282.997
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(511.707.000)	(21.789.409.954)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(84.961.736)	(7.389.051.490)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(5.740.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	7.407.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	13.256	3.835.958.637
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	13.256	5.502.958.637
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.130.500.000	4.958.700.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(848.793.113)	(3.457.666.887)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	281.706.887	1.501.033.113
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	196.758.407	(385.059.740)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	213.922.974	598.982.714
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	410.681.381	213.922.974

Cần Thơ, ngày 04 tháng 05 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Diệp

Vương Lê Vĩnh Nhân

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng Báo cáo tài chính)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư HVA, tên cũ là Công ty Cổ phần Nông nghiệp xanh Hưng Việt – tiền thân là Công ty Cổ phần Xây lắp An Hưng. Là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp là 0104659943 đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 05 năm 2010; thay đổi lần thứ 10 ngày 29/10/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp.

Địa chỉ Công ty: số 81 Nguyễn Hiền, KDC 91B, Phường An Khánh, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty : Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10, ngày 29/10/2019 vốn điều lệ của Công ty là 56.500.000.000 VND. Vốn góp ghi nhận trên Báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là **56.500.000.000 VND**. (Bằng chữ: Năm mươi sáu tỷ năm trăm triệu đồng).

Ngành nghề kinh doanh: hoạt động kinh doanh chính trong năm của Công ty là:

- Kinh doanh cà phê hạt khô;
- Tư vấn quản lý doanh nghiệp.

NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

I. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

II. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ.

1. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

5. Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính và Bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không thực hiện trích khấu hao.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo hai phương pháp, cụ thể:

Đối với các tài sản cố định hữu hình còn lại, Công ty thực hiện trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 và Thông tư sửa đổi, bổ sung số 147/2017/TT147-BTC ngày 24/10/2017 của Bộ Tài chính và được ước tính như sau:

- Nhà cửa vật kiến trúc	25 - 50 năm
- Máy móc thiết bị	03 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 năm

6. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

7. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

8. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hoá được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

10. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

11. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

12. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu (cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi) phát sinh khi Công ty phát hành loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu xác định được quy định sẵn trong phương án phát hành. Giá trị cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi được xác định là phần chênh lệch giữa tổng số tiền thu từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi trừ đi giá trị cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái

phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản được phản ánh trong các trường hợp: khi có quyết định của Nhà nước về đánh giá lại tài sản, khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

15. Doanh thu*Doanh thu bán hàng*

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp bán hàng hóa bất động sản theo hình thức khách hàng tự hoàn thiện hoặc Công ty hoàn thiện theo yêu cầu của khách hàng thì được ghi doanh thu khi hoàn thành bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Đối với bất động sản phân lô bán nền đã chuyển giao nền đất cho khách hàng, Công ty được ghi nhận doanh thu với phần nền đất đã bán khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất;
- Công ty đã thu hoặc chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.
- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thường hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thường hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thường hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính có liên quan.

Cổ phiếu thường hay cổ tức trả bằng cổ phiếu được ghi nhận tăng doanh thu hoạt động tài chính và tăng giá trị khoản đầu tư tương ứng với số tiền cổ tức được chia.

16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

17. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

Giá vốn hàng bán đối với trường hợp Công ty là chủ đầu tư kinh doanh bất động sản

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với Doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán. Việc trích trước chi phí để tạm tính giá vốn bất động sản nếu có đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Chỉ trích trước đối với các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư, xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng;
- Chỉ trích trước chi phí để tạm tính giá vốn hàng bán cho phần bất động sản đã hoàn thành bán trong kỳ và đủ điều kiện ghi nhận doanh thu;
- Số chi phí trích trước và chi phí thực tế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán phải đảm bảo tương ứng với định mức giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của phần hàng hóa bất động sản đã bán (được xác định theo diện tích).

18. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Chi phí lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

20. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. TIỀN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
- Tiền mặt	407.173.390		208.018.036	
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.507.991		5.904.938	
- Các khoản tương đương tiền	-		-	
Cộng	410.681.381		213.922.974	

2. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn				
- Công ty CP Thương mại Công nghiệp Trường An	4.521.165.000	4.521.165.000	4.521.165.000	4.521.165.000
- Công ty CP Nông Nghiệp Sao Xanh	1.489.952.000	1.489.952.000	1.489.952.000	744.976.000
- Công ty CP Tập đoàn Đầu tư MCC (trước đây là Công ty Cổ phần Phát triển xây dựng 199)	302.500.000	211.750.000	302.500.000	
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thảo Kiệt	3.250.000.000	1.625.000.000	3.250.000.000	975.000.000
- Công ty CP Công Nghệ Hypernet	650.000.000			
- Công ty CP Xây dựng Bắc Ninh	38.912.486	38.912.486	38.912.486	38.912.486
Cộng	10.252.529.486	7.886.779.486	9.602.529.486	6.280.053.486

3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	46.750.000	-	52.750.000	-
- Công ty DVTVTC KT&KT Nam Việt	46.750.000		52.750.000	
Cộng	46.750.000	-	52.750.000	-

4. PHẢI THU KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	500.000.000	-	-	-
- Tạm ứng	500.000.000		-	
b. Dài hạn	15.500.000.000	-	15.500.000.000	-
- Ký cược, ký quỹ (*)	15.500.000.000			
- Phải thu khác			15.500.000.000	
Cộng	16.000.000.000	-	15.500.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVAĐịa chỉ: số 81 Nguyễn Hiền, KDC 19B, Phường An Khánh, Quận
Ninh Kiều, TP Cần Thơ**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đây là khoản đặt cọc bằng tiền mặt cho Công ty CP Block up Cần Thơ theo Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2108/2018/HDĐC-HVA với giá trị thỏa thuận là 28.000.000.000 đồng, tuy nhiên Hợp đồng chưa được thông qua Đại hội đồng Cổ đông.

- Hợp đồng có hiệu lực là 12 tháng và đã được gia hạn đến tháng 4 năm 2020 theo Biên bản làm việc ngày 15/09/2019.

5. NỢ XẤU

Đơn vị tính: VND

Đối tượng	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Nợ ngắn hạn	-	-	-	-
- Công ty CP Thương mại Công nghiệp Trường An	4.521.165.000	-	4.521.165.000	-
- Công ty CP Nông Nghiệp Sao Xanh	1.489.952.000	-	1.489.952.000	744.976.000
- Công ty CP Tập đoàn Đầu tư MCC (trước đây là Công ty Cổ phần Phát triển xây dựng 199)	302.500.000	90.750.000	302.500.000	302.500.000
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thảo Kiệt	3.250.000.000	1.625.000.000	3.250.000.000	2.275.000.000
- Công ty CP Xây dựng Bắc Ninh	38.912.486	-	38.912.486	-
Cộng	9.602.529.486	1.715.750.000	9.602.529.486	3.322.476.000

6. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	VND	VND	VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	489.650.549	-
Cộng	-	-	489.650.549	-

* Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: 0 VND

* Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: 0 VND

7. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Phụ lục số 01)**8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn	-	-
b. Dài hạn	5.510.422	136.308.840
Công cụ dụng cụ phân bổ dài hạn	5.510.422	28.062.218
Chi phí chờ phân bổ khác	-	108.246.622
Cộng	5.510.422	136.308.840

9. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán NH	3.433.873.520	3.433.873.520	3.633.873.520	3.633.873.520
- Công ty TNHH Hải Sơn	2.600.000.000	2.600.000.000	2.600.000.000	2.600.000.000
- Doanh nghiệp tư nhân Hồng Thắm	748.373.520	748.373.520	748.373.520	748.373.520
- Các đối tượng khác	85.500.000	85.500.000	285.500.000	285.500.000
Cộng	3.433.873.520	3.433.873.520	3.633.873.520	3.633.873.520

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

b. Thuế và các khoản phải nộp

Đơn vị tính: VND

Diễn giải	Số dư đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số khấu trừ	Số dư cuối năm
	(a)	(b)	(c)	(d)	(e)=(a)+(b)-(c)+(d)
Thuế GTGT phải nộp	20.093.705				20.093.705
Thuế thu nhập cá nhân	5.293.776		5.293.776		-
Thuế khác		3.000.000	3.000.000		-
Cộng	25.387.481	3.000.000	8.293.776	-	20.093.705

a. Thuế và các khoản phải thu

Đơn vị tính: VND

Diễn giải	Số dư đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số khấu trừ	Số dư cuối năm
	(a)	(b)	(c)	(d)	(e)=(a)+(b)-(c)+(d)
Thuế TNDN	1.754.761				1.754.761
Thuế thu nhập cá nhân			2.903.224		2.903.224
Cộng	1.754.761		2.903.224	-	4.657.985

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA

Báo cáo tài chính

Địa chỉ: số 81 Nguyễn Hiền, KDC 19B, Phường An Khánh, Quận
Ninh Kiều, TP Cần Thơ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

11. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH - PHỤ LỤC SỐ 03**12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn	127.800.000	-
- Chi phí lãi vay	127.800.000	-
Cộng	127.800.000	-

13. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn	753.899.479	133.899.479
- Kinh phí công đoàn	40.327.700	40.327.700
- Bảo hiểm xã hội	72.466.779	72.466.779
- Bảo hiểm y tế	14.715.000	14.715.000
- Phải trả, phải nộp khác	620.000.000	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	6.390.000	6.390.000
b. Dài hạn	-	-
c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán		
Cộng	753.899.479	133.899.479

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Đơn vị tính: VND Cộng
Số dư đầu năm trước	56.500.000.000	(106.363.636)	9.041.927.620	65.435.563.984
- Lỗ trong năm trước			(8.644.609.231)	(8.644.609.231)
Số dư đầu năm nay	56.500.000.000	(106.363.636)	397.318.389	56.790.954.753
- Tăng trong năm				-
- Lỗ trong năm nay			(790.748.124)	(790.748.124)
- Phân phối lợi nhuận				-
- Trả cổ tức				-
Số cuối năm	56.500.000.000	(106.363.636)	(393.429.735)	56.000.206.629

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vốn góp của nhà nước	-	-
Vốn góp của các đối tượng khác	56.500.000.000	56.500.000.000
Cộng	56.500.000.000	56.500.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA**Báo cáo tài chính**Địa chỉ: số 81 Nguyễn Hiền, KDC 19B, Phường An Khánh, Quận
Ninh Kiều, TP Cần Thơ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ <i>Vốn góp đầu năm</i>	56.500.000.000	56.500.000.000
+ <i>Vốn góp tăng trong năm</i>		
+ <i>Vốn góp giảm trong năm</i>		
+ <i>Vốn góp cuối năm</i>	56.500.000.000	56.500.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		5.650.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.650.000	5.650.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.650.000	5.650.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.650.000	5.650.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.650.000	5.650.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>		
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Ngoại tệ các loại (USD)		
Cộng		

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO
KẾT QUẢ KINH DOANH**

1. DOANH THU	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng doanh thu	650.000.000	15.728.555.600
Doanh thu bán hàng	650.000.000	15.728.555.600
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	650.000.000	15.728.555.600
2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán hàng	595.304.670	14.441.670.632
Cộng	595.304.670	14.441.670.632
3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	13.256	229.912.287
Lãi hợp tác kinh doanh	-	-
Cộng	13.256	229.912.287
4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	154.419.726	388.654.665
Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) tổn thất đầu tư vào đơn vị khác	(905.823.532)	1.695.254.778
Cộng	(751.403.806)	2.083.909.443
5. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	25.334.252	53.985.049
- Chi phí nhân công	70.700.000	1.090.694.541
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	38.352.883
- Thuế, phí lệ phí	3.000.000	3.126.000
- Trích lập dự phòng	1.606.726.000	6.280.053.486
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	89.590.264	484.470.574
- Chi phí khác bằng tiền	51.000.000	75.857.382
Cộng	1.846.350.516	8.026.539.915
6. THU NHẬP KHÁC	Năm nay VND	Năm trước VND
- Thu nhập khác	250.000.000	1.815.778
Cộng	250.000.000	1.815.778

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVAĐịa chỉ: số 81 Nguyễn Hiền, KDC 19B, Phường An Khánh, Quận
Ninh Kiều, TP Cần Thơ

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

7. CHI PHÍ KHÁC	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Nộp phạt vi phạm hành chính	510.000	13.072.784
- Chi phí khác		39.700.122
Cộng	510.000	52.772.906

8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

Chi tiết chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	(790.748.124)	(8.644.609.231)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	510.000	-
Các khoản điều chỉnh tăng	510.000	-
- Chi phí không hợp lệ	510.000	
Các khoản điều chỉnh giảm	-	
Lợi nhuận chịu thuế	(790.238.124)	(8.644.609.231)
Thuế suất hiện hành	20%	20%
- Thuế suất hoạt động chịu thuế thông thường	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp:	-	-

Mệnh giá cổ phiếu (VND/CP)

10.000 VND / CP

10.000 VND / CP

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Tài sản tài chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	410.681.381		213.922.974	
Phải thu khách hàng, phải thu khác	26.252.529.486		25.102.529.486	
Các khoản cho vay	-		-	
Cộng	32.663.210.867	-	25.316.452.460	-

Nợ phải trả tài chính	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Vay và nợ	7.509.200.000	7.227.493.113
Phải trả người bán, phải trả khác	4.187.772.999	3.767.772.999
Chi phí phải trả	127.800.000	
Cộng	11.824.772.999	10.995.266.112

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có năm hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác)

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Số cuối năm				
Tiền và các khoản trong đương tiền	410.681.381			410.681.381
Phải thu khách hàng, phải thu khác	10.752.529.486	15.500.000.000		26.252.529.486
Cộng	11.163.210.867	15.500.000.000	-	26.663.210.867
Số đầu năm				
Tiền và các khoản trong đương tiền	213.922.974			213.922.974
Phải thu khách hàng, phải thu khác	9.602.529.486	15.500.000.000		25.102.529.486
Cộng	9.816.452.460	15.500.000.000	-	25.316.452.460

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Số cuối năm				
Vay và nợ	2.007.700.000	5.501.500.000		7.509.200.000
Phải trả người bán, phải trả khác	4.187.772.999			4.187.772.999
Chi phí phải trả	127.800.000			127.800.000
Cộng	6.323.272.999	5.501.500.000	-	11.824.772.999
Số đầu năm				
Vay và nợ	1.491.993.113	5.735.500.000		7.227.493.113
Phải trả người bán, phải trả khác	3.767.772.999			3.767.772.999
Chi phí phải trả	-			-
Cộng	5.259.766.112	5.735.500.000	-	10.995.266.112

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVAĐịa chỉ: số 81 Nguyễn Hiền, KDC 19B, Phường An Khánh, Quận
Ninh Kiều, TP Cần Thơ**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

2. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

3. BÁO CÁO BỘ PHẬN**Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (Phân loại hoạt động trong nước và ngoài nước)**

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Các bộ phận kinh doanh chính của Công ty như sau:

	<i>Kinh doanh hàng hóa</i>	<i>Tổng</i>
Doanh thu thuần ra bên ngoài	650.000.000	650.000.000
Tổng doanh thu thuần	650.000.000	650.000.000
Chi phí bộ phận	595.304.670	595.304.670
Kết quả kinh doanh bộ phận	54.695.330	54.695.330
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận		1.846.350.516
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		(1.791.655.186)
Doanh thu hoạt động tài chính		13.256
Chi phí tài chính		(751.403.806)
Thu nhập khác		250.000.000
Chi phí khác		510.000
Thuế TNDN hiện hành		-
Lợi nhuận sau thuế		(790.748.124)

4. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các thuyết minh với các bên liên quan đã thuyết minh ở các phần liên quan Ban Tổng Giám đốc cam kết không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Mối quan hệ	Tăng trong năm	Giảm trong năm
		VND	VND
Tạm ứng			
Ông Vương Lê Vĩnh Nhân	Chủ tịch HĐQT	500.000.000	
Vay			
Ông Vương Lê Vĩnh Nhân	Chủ tịch HĐQT	400.000.000	
Số dư với các bên liên quan			
Vốn góp			
Đối tượng	Mối quan hệ		Tại ngày 31/12/2019
			VND
Ông Vương Lê Vĩnh Nhân	Chủ tịch HĐQT		3.000.400.000

5. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán, Báo cáo Kết quả kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt.

Cần Thơ, ngày 04 tháng 05 năm 2020

Người lập biểu



Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Diệp

Tổng Giám đốc



Vương Lê Vinh Nhân

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA**Báo cáo tài chính**

Địa chỉ: số 81 Nguyễn Hiền, KDC 19B, Phường An Khánh, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Phụ lục 01:

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)	Giá gốc	
Đầu tư vào công ty liên kết	43.790.000.000	(156.971.449)	-	43.790.000.000	(739.413.787)
- Công ty CP Phát triển và Đầu tư Nông nghiệp HASOCO (trước đây là Công ty CP Đầu tư Thương mại Hưng Nguyễn)	28.000.000.000			28.000.000.000	
- Công ty CP Thạch Thành Xuân	15.790.000.000	(156.971.449)		15.790.000.000	(739.413.787)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	6.000.000.000	(632.459.797)	-	6.000.000.000	(955.840.991)
- Công ty CP Tập đoàn Đầu tư MCC (trước đây là Công ty CP Phát triển xây dựng 199)	6.000.000.000	(632.459.797)		6.000.000.000	(955.840.991)
Cộng	49.790.000.000	(789.431.246)	-	49.790.000.000	(1.695.254.778)

Thông tin chi tiết về các Công ty trên tại ngày 31/12/2019 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ quyền kiểm soát	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty CP Phát triển và Đầu tư Nông nghiệp HASOCO (trước đây là Công ty CP Đầu tư Thương mại Hưng Nguyễn)	Số 21, ngõ 68 Phó Nguyễn Khuyển, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, TP HN	46,67%	46,67%	Nuôi trồng thủy sản
- Công ty CP Thạch Thành Xuân	Số 18 ngõ 32, phố Phan Văn Trường, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, HN	47,85%	47,85%	Kinh doanh thương mại, trồng trọt, chăn nuôi
- Công ty CP Tập đoàn Đầu tư MCC (trước đây là Công ty CP Phát triển xây dựng 199)	Tầng 1 tòa nhà Sunrise Building II, KĐT Sài Đồng, Phường Phúc Đồng, Quận Long Biên. HN	12,00%	12,00%	Thi công xây dựng công trình

(*): Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA**Báo cáo tài chính**

Địa chỉ: số 81 Nguyễn Hiền, KDC 19B, Phường An Khánh, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Phụ lục 02:

VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Tăng trong năm		Giảm trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	2.007.700.000	2.007.700.000	599.000.000	599.000.000	83.293.113	1.491.993.113	1.491.993.113	1.491.993.113
- Công ty DAMH	350.000.000	350.000.000	350.000.000	350.000.000	-	-	-	-
- Công ty CP Trustpay (1)	950.000.000	950.000.000				950.000.000	950.000.000	950.000.000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng Chi nhánh Ngô Quyền (2)	707.700.000	707.700.000	249.000.000	249.000.000	83.293.113	541.993.113	541.993.113	541.993.113
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng Chi nhánh Ngô Quyền (2)	5.501.500.000	5.501.500.000	531.500.000	531.500.000	765.500.000	5.735.500.000	5.735.500.000	5.735.500.000
- Ông Nguyễn Khánh Toàn (3)	5.000.000.000	5.000.000.000			355.000.000	5.355.000.000	5.355.000.000	5.355.000.000
- Ông Vương Lê Vĩnh Nhân (4)	400.000.000	400.000.000	400.000.000	400.000.000	-	-	-	-
- Ông Trần Duy Sơn (5)	101.500.000	101.500.000	131.500.000	131.500.000	161.500.000	131.500.000	131.500.000	131.500.000
Tổng cộng	7.509.200.000	7.509.200.000	1.130.500.000	1.130.500.000	848.793.113	7.227.493.113	7.227.493.113	7.227.493.113

(1) Khoản vay Công ty Cổ phần Trustpay theo hợp đồng tín dụng số 01/2018/HĐTD/HVA ngày 16/3/2018 với hạn mức 1.000.000.000 VNĐ để phục vụ hoạt động của Công ty, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 6,5%/năm. Đến 31/12/2018 hợp đồng đã quá hạn thanh toán nhưng chưa được hai bên ký gia hạn.

(2) Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Ngô Quyền theo hợp đồng cho vay từng lần số 120617-3526675-01-SME ngày 19 tháng 6 năm 2017 để thanh toán tiền mua hạt tiêu theo hóa đơn số 66 ngày 22/3/2017 cho Công ty TNHH Hải Sơn, theo hợp đồng bảo lãnh số 120617-3526675-01-SME/HDBL ngày 19/6/2017 giữa bên bảo lãnh là ông Nguyễn Ngọc Sơn và bên vay và bên ngân hàng, thời hạn vay 36 tháng. Lãi suất 19%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA

Địa chỉ: số 81 Nguyễn Hiền, KDC 19B, Phường An Khánh, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(3) Khoản vay ông Nguyễn Khánh Toàn theo Hợp đồng tín dụng số 01/2018/HĐTD/HVA ngày 01/7/2018 với hạn mức 5.355.000.000 VNĐ, thời hạn vay 24 tháng kể từ ngày vay, lãi suất 0%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tín chấp.

(4) Khoản vay Ông Vương Lê Vĩnh Nhân theo hợp đồng tín dụng số 01/2019/HĐTD/HVA - VLVN ngày 20/03/2019 với hạn mức 400.000.000 VNĐ để phục vụ hoạt động vốn của Công ty, thời hạn vay 03 năm, lãi suất 0%/năm.

(5) Khoản vay ông Trần Duy Sơn theo Hợp đồng tín dụng số 01/2018/HĐTD/HVA-TDS ngày 21/12/2018, thời hạn vay 24 tháng kể từ ngày vay, lãi suất 12%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tín chấp.

Trong đó, giao dịch với các bên liên quan:

Mối quan hệ	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ông Vương Lê Vĩnh Nhân	400.000.000	-